

## NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2022 và Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2022

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 151/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*



**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2022 (viết tắt là Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND) và Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2022 (viết tắt là Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND), cụ thể như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND như sau:

“d) Định mức phân bổ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này không bao gồm:

d1) Tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương;

d2) Tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (viết tắt là Nghị định số 111/2022/NĐ-CP);

d3) Xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật”.

2. Sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND như sau:

“Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: Đảm bảo tiền lương, tiền công lao động theo thực tế của cơ quan, đơn vị và phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đối với chi hoạt động thường xuyên hỗ trợ căn cứ theo khả năng cân đối ngân sách”.

3. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND như sau:

“Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: Đảm bảo tiền lương, tiền công lao động theo thực tế của cơ quan, đơn vị và phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đối với chi hoạt động thường xuyên hỗ trợ căn cứ theo khả năng cân đối ngân sách”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND như sau:

“1. Định mức phân bổ được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng quỹ tiền lương, phụ cấp (bao gồm phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung), các khoản đóng góp theo lương và chi hoạt động thường xuyên của biên chế có mặt, biên chế chưa tuyển dụng (biên chế chưa tuyển dụng được phân bổ bằng mức lương viên chức bậc 1 của từng cấp học, cơ sở giáo dục phổ thông công lập có nhiều cấp học thì phân bổ theo định mức biên chế của từng cấp học) để đảm bảo các hoạt động thường xuyên, cụ thể như sau:



| STT | Lĩnh vực  | Tiêu chí phân bổ                                   | Định mức |
|-----|---|--|----------|
| 1   | - Giáo dục mầm non, Giáo dục tiểu học, Trung học cơ sở (bao gồm các trường phổ thông dân tộc bán trú, các trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở) | Cơ cấu (%) chi lương và chi hoạt động thường xuyên | 81/19    |
| 2   | - Giáo dục trung học phổ thông, Trường phổ thông dân tộc nội trú Thái Nguyên, Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tỉnh Thái Nguyên | Cơ cấu (%) chi lương và chi hoạt động thường xuyên | 80/20    |

## 2. Nguyên tắc thực hiện

a) Đối với các trường thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi các trường đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu học phí để thực hiện nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên. Đối với chi các hoạt động chung, Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ nhiệm vụ thực tế năm học lập dự toán gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định;

b) Đối với các trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Định mức trên là cơ sở để xác định tổng chi thường xuyên của ngân sách cho sự nghiệp giáo dục. Căn cứ định mức trên Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện phân bổ dự toán cho các trường trực thuộc, hỗ trợ chi thường xuyên sau khi các trường đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu học phí để thực hiện nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên. Chủ động bố trí kinh phí thực hiện các đề án, dự án đã được duyệt và tăng cường cơ sở vật chất cho các trường;

Đối với chi các hoạt động chung, phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện căn cứ nhiệm vụ thực tế năm học lập dự toán gửi phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định;

c) Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: Đảm bảo đủ tiền lương, tiền công lao động theo thực tế của các trường và phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đối với chi hoạt động thường xuyên hỗ trợ 03 triệu đồng/hợp đồng/năm;

d) Chi hoạt động thường xuyên được tính theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng, các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách không tính toán lại tỷ lệ trên, các địa phương phân đấu tăng thu bổ sung chi sự nghiệp giáo dục theo quy định. Hằng năm, căn cứ khả năng ngân sách cấp tỉnh, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ các địa phương thêm một phần kinh phí để tăng chi hoạt động thường xuyên.



### 3. Định mức trên đã bao gồm

a) Nâng lương thường xuyên;

b) Kinh phí mua sắm trang thiết bị của giáo viên để phục vụ dạy và học, kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản; kinh phí tham quan học tập kinh nghiệm theo chế độ; lương nhân viên bảo vệ và nhân viên phục vụ vệ sinh;

c) Kinh phí thực hiện chế độ đối với giáo viên thể dục thể thao và giáo viên quốc phòng theo quy định;

d) Nguồn thu học phí đối với các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

### 4. Định mức trên chưa bao gồm

a) Nguồn thu học phí đối với các trường trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Kinh phí đảm bảo các chế độ, chính sách đối với giáo viên và học sinh: Chế độ đối với học sinh dân tộc nội trú, bán trú; chính sách đối với giáo viên dạy học sinh khuyết tật; chính sách giáo dục đối với người khuyết tật; chính sách hỗ trợ học sinh ở vùng đặc biệt khó khăn; chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; chính sách phát triển giáo dục mầm non; chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo quy định; kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với viên chức làm công tác thư viện, viên chức làm công tác thiết bị, thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo quy định;

c) Kinh phí tổ chức các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh; ôn luyện, tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, khu vực, quốc tế, thi Olympic, các cuộc thi hoạt động khối các trường chuyên, thi tốt nghiệp THPT; thưởng danh hiệu thi đua của ngành theo Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo; cộng tác viên thanh tra, bồi dưỡng nghiệp vụ cộng tác viên thanh tra; chi phí điện, nước, mua sắm, sửa chữa đồ dùng, dụng cụ phòng nội trú, nhà ăn học sinh của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tỉnh Thái Nguyên;

d) Hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng;

đ) Kinh phí chi các hoạt động chung của Sở Giáo dục và Đào tạo.

### 5. Định mức bổ sung

a) Các Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú, Trường THPT Chuyên bổ sung kinh phí đặc thù 85 triệu đồng/trường/năm;

b) Các trường có điểm trường lẻ, bổ sung kinh phí hoạt động 30 triệu đồng/điểm trường lẻ/năm;

c) Hỗ trợ kinh phí hoạt động các trường có hợp đồng khoán giảng dạy: 03 triệu đồng/10 định mức/năm học.”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND như sau:

“1. Cấp tỉnh

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công do nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2017 - 2021 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hàng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để thực hiện cải cách chính sách tiền lương;

Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương: Thực hiện theo quy định hiện hành trên cơ sở số biên chế được cấp có thẩm quyền giao. Đối với số biên chế chưa có mặt được phân bổ bằng mức lương chuyên viên bậc 1;

Chi hoạt động thường xuyên được phân bổ như sau:

| STT | Đơn vị sự nghiệp           | Định mức phân bổ<br>(Triệu đồng/biên chế/năm) |
|-----|----------------------------|---|
| 1   | Dưới 10 biên chế           | 27  |
| 2   | Từ 10 đến dưới 20 biên chế | 26  |
| 3   | Từ 20 đến dưới 30 biên chế | 25  |
| 4   | Từ 30 đến dưới 40 biên chế | 24  |
| 5   | Từ 40 biên chế trở lên     | 22  |

Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên trên đã bao gồm nâng lương thường xuyên.

d) Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: Đảm bảo tiền lương, tiền công lao động theo thực tế của cơ quan, đơn vị và phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đối với chi hoạt động thường xuyên hỗ trợ căn cứ theo khả năng cân đối ngân sách.



## 2. Cấp huyện:

a) Phân bổ chi thường xuyên cho các lĩnh vực sự nghiệp đảm bảo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Định mức phân bổ bình quân 105 triệu đồng/biên chế/năm;

b) Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: Đảm bảo tiền lương, tiền công lao động theo thực tế của cơ quan, đơn vị và phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đối với chi hoạt động thường xuyên hỗ trợ căn cứ theo khả năng cân đối ngân sách”.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**